



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

I-171: Yes ☐ No ☐

EXIT PERMIT: Y ☐ N ☐

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM HUỖNH PHƯỚC ĐÌNH
Last Middle First
- Current Address 342/4 ấp Tân Lộc xã Tân Đông Đông Thạnh Việt Nam
- Date of Birth May 27th 1936 Place of Birth Sa Dec Việt Nam (South)
- Previous Occupation (before 1975) Major MSE. Ng. v. Nhứt Station Hospital.
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From April 30th 1975 To June 20th 1980.
3. SPONSOR'S NAME: NHAN - HUU - TÂN
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

NHAN - HUU - TÂN

Brother

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
CHÂU KIÊM YẾN	1937	WIFE
HUỖNH PHƯỚC TRINH THUY	1962	(Single) DAUGHTER
HUỖNH PHƯỚC THANH THUY ²	1972	(Single) Daughter
NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA)		
NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES		

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

Same as above

ADDITIONAL INFORMATION : - I wish to immigrate into USA as a political refugee with my family (three persons).

- I send : - 1 marriage certificate
- 2 Birth certificates
- 1 release certificate (giấy ra trại)

MAILING ADDRESS IN VN (Địa chỉ liên lạc tại VN):

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Tên và Địa chỉ Thân nhân hay Người Bảo trợ):

HOI GIA-DINH TU-NHAN CHINH-TRI-VIET-NAM P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA. 22205-053
U.S. CITIZEN (Quốc tịch Hoa-Kỳ):

INTAKE FORM (Two Copies)

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Hau-don ve ly-lich)

NAME & SIGNATURE:

NAME (Tên Tu-nhan) DE:

HUYNH

PHUOC

ĐINH

Last (Ten Ho)

Middle (Giua)

First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH:

MAY

27 TH

1936

(Name, noi sinh)

Month (Thang)

Day (Ngay)

Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu)

Male (Nam): MALE

Female (Nu):

MARITAL STATUS

Single (Độc thân):

Married (Có lập gia đình): MARRIED

(Tình trạng gia đình):

ADDRESS IN VIETNAM

(Địa chỉ tại Việt-Nam)

342/1 ấp Tân Lộc Xã Tân Dương Đồng Tháp Việt Nam

POLITICAL PRISONER (Có là tù nhân tại VN hay không): Yes (Có) Yes No (Không)

If Yes (Nếu có): From (Từ): 30th April / 75 To (Đến): June 20th 1980

PLACE OF RE-EDUCATION:

CAMP (Trại tù)

GIA-TRUNG CAMP (TRẠI CẢI TẠO GIA TRUNG)

PROFESSION (Nghề nghiệp):

FARMER

EDUCATION IN U.S. (Đã học tại Mỹ):

IN ARMY (Quân đội VN)

IN GOVERNMENT (Trong chính phủ VN)

KHOA 14 SĨ QUAN THỦ ĐỨC RANK MAJOR

QUAN LÝ QUAN VIÊN NGUYỄN VĂN NHỨT

STATION HOSPITAL VŨNG TÀU

Date (năm): 1969-1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Đã có nộp đơn cho ODP):

Yes (Có): Yes

IV Number (Số hồ sơ):

No (Không):

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (Số người đi theo):

(Tên thân nhân tháp tùng)

Ba người

Xin ghi bên sau với đầy đủ chi:

MAILING ADDRESS IN VN (Địa chỉ liên lạc tại VN):

Cô Trần Kim Dung

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Tên và Địa chỉ Thân nhân hay Người Bảo trợ):

Ty Bưu-điện Satec Đồng Tháp Việt Nam

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Tên và Địa chỉ Thân nhân hay Người Bảo trợ):

NHAN-HUU-TAN

U.S. CITIZEN (Quốc tịch Hoa-Kỳ):

No (Không): No

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Liên hệ với tù nhân tại VN):

Anh cũng cha

NAME & SIGNATURE:

Huỳnh Phước Đình

Nguyễn Văn Nhứt

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT

(Tên, Chữ ký, Địa chỉ và Điện thoại của người điền đơn này)

EDUCATION IN U.S. (Đã học tại Mỹ):

IN ARMY (Quân đội VN)

IN GOVERNMENT (Trong chính phủ VN)

November

1st

1989

Month (Thang)

Day (Ngày)

Year (Năm)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO FA.
CHAU-KIEM-YEN	1937	Wife
HUYNH PHUOC TRINH THUY	1962	(Single) Daughter
HUYNH PHUOC THANH THUY	1972	(Single) Daughter
NAME OF TRIBUNAL APPLICANT OR		
NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVE	DATE OF BIRTH	

Same as above

: ADDITIONAL INFORMATION :

I wish to immigrate into U.S.A.
as a political refugee
with my family (three persons)

I send : 1 marriage certificate, birth certificates (two copies),
release certificate (giấy ra trại)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG CHỨC TÀI TRẠI GIAM
TÀI TRẠI PHÚC

Gia Trung, ngày 11 tháng 06 năm 1980

SHSLD (0:0:3:6:7:9:0:4:6:1:2)

GIẤY RA TRẠI
Số 000

Căn cứ chỉ thị số 510/45 ngày 22 tháng 8 năm 1977 của Thủ
Tướng Chính Phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chỉnh
sách đối với binh sỹ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ
cũ và Đảng phải phân công biên tập bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư liên Bộ quốc phòng - Nội vụ số: 07/114B
ngày 2 tháng 11 năm 1977 về việc thực hiện chỉ thị số 510/TTQ ng
ngày 22 tháng 8 năm 1977 của Thủ Tướng Chính Phủ.

Tại hành quyết định tha số: 1785 ngày 19 tháng 5 năm 1980
của Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

/-/o và tên: HUYNH PHƯỚC ĐỊNH Sinh năm: 1936

Quốc quán: Sa đéc
Trú quán: 209B ấp Tân Thuận, xã Tân Hòa, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Tháp
Số lính: 56/105053 Cấp bậc: Thiếu tá
Chức vụ: số quản lý quân sự trong bộ máy chính quyền quân sự và
các tổ chức chính trị phân công của chế độ cũ.

Khi về phải trực tiếp trình ngay giấy này với Ủy ban nhân
dân Công an xã, phường thuộc huyện quản: Tân Hòa
tỉnh thành phố: Đồng Tháp và phải tuân theo các qui định của
ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố về việc quản chế và nơi ở và
các mặt quản lý khác.

- Thời hạn quản chế: _____
- Thời hạn đi đàng: 05 ngày (kể từ ngày cấp giấy ra trại)
- Tiền và lương thực đi đàng đã cấp: 40 (Bốn mươi)

Lưu ngón tay trở phó
Chữ ký: Huynh Phuoc Dinh
Chức vụ: _____

Chữ ký của người được cấp: phó GIÁM TRẠI
Chức vụ: _____

Huynh Phuoc Dinh
NGƯỜI TÁ: Lê Văn Sơn

Huynh Phuoc Dinh

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Quận: Khố

Lập ngày 22 tháng 6 năm 19 64

PHƯỜNG 1

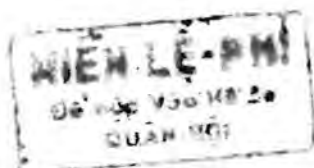
Số hiệu: 2638

Tên họ đứa trẻ . . .	Huỳnh Phước Trinh Thủy
Con trai hay con gái. .	nữ
Ngày sanh	Mười bảy tháng sáu năm một ngàn chín trăm sáu mươi bốn, i giờ 30
Nơi sanh	Saigon, đường đường Grall
Tên họ người cha. . .	Huỳnh Phước Định
Tên họ người mẹ. . .	Châu Kiêm Yến
Vợ chánh hay không có hôn-thú	vợ chánh
Tên họ người đứng khai.	Huỳnh Phước Định

TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÁNH

Saigon, ngày 26 tháng 12 năm 19 73

Viên-Chức Hộ-Tịch,



[Handwritten signature]

[Faint handwritten text]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Mẫu HT2/73

Xã, thị trấn Dương Hòa
 Thị xã, Quận Chanh Hưng
 Thành phố, Tỉnh Đông Tháp

GIẤY KHAI SINH

Số 933 / UBQuyển số 03

Họ và tên	<u>Phước Chanh Chuy</u>		Nam, nữ <u>nữ</u>
Sinh ngày tháng, năm	<u>01 - 1 - 1972</u> ngày một tháng một năm <u>một ngàn chín trăm bảy mươi hai</u>		
Nơi sinh	<u>Chánh nhĩ - Vĩnh - Cầu</u>		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	<u>Phước Đình</u> <u>1936</u>	<u>Châu Kim Yên</u> <u>1937</u>	
Dân tộc Quốc tịch	<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>	<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	<u>Làm ruộng</u> <u>ấp Tân Lộc Xã Dương Hòa</u>	<u>Làm ruộng</u> <u>ấp Tân Lộc Xã Dương Hòa</u>	
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng sinh hoặc CNCC của người đăng khai	<u>Phước Đình</u> <u>Sinh năm 1936</u> <u>ngụ ấp Tân Lộc Xã Dương Hòa</u> <u>Chanh Hưng Đông Tháp</u>		

Đăng ký ngày 19 tháng 11 năm 1983
 (Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

T.M. U.B.N.D. Xã

Trần Văn Bích
lct
Trần Văn Bích

VIỆT - NAM CỘNG - HOÀ

TỈNH HAY THÀNH PHỐ

Hình Long
QUẬN: Sa Đu

XÃ: Bản Vĩnh Hoà

Số hiệu: 92

TRÍCH - LỤC

CHỨNG - THƯ HÔN - THỦ

Tên họ người chồng Nguyễn Phước Đình

nghề-nghiệp sinh viên Đại học

sinh ngày 27 tháng 5 năm 1936

tại Bản Vĩnh Hoà Sa Đu

cư-sở tại Bản Vĩnh Hoà họ Nguyễn Sa Đu

tạm-trú tại

Tên họ cha chồng Nguyễn Hoàng (chết)
(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ chồng Nguyễn Thị Hoàng (sống)
(Sống chết phải nói)

Tên họ người vợ Châu Kim Liên

nghề-nghiệp Học sinh

sinh ngày 6 tháng 9 năm 1937

tại Chiến Mỹ, Cần Thơ

cư-sở tại Bản Vĩnh Hoà họ Phan Quý Đông Sa Đu

tạm-trú tại

Tên họ cha vợ Châu Thanh Khoa (chết)
(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ vợ Châu Kim Liên (sống)
(Sống chết phải nói)

— Ngày cưới Đầu Tháng 7 năm 1961 Dương lịch

— Vợ chồng khai có hay không lập hôn ước

ngày tháng năm

tại

Trích y bốn chánh

Sa Đu, ngày 12 tháng 7 năm 1964

Viên-chức Hộ-tịch,

Nhận theo chữ ký của

Hội Đồng Xã

Bản Vĩnh Hoà
Thị 7-5

TRƯỞNG,

mai



~~8984 up 8/6/62 sent out for~~

~~Phan Ia' ~~Phan~~ ~~Phan~~ ~~Phan~~ Tran~~ Phan diel Philip (Quai L.)
{ ~~Phan~~ ~~Phan~~

CONTROL

____ Card
____ ☒ Doc. Request; Form 05/26/99
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter